TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 99/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 29 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 80/2026/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2026, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Vàng Mí P, sinh năm 1973; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu; căn cước công dân số: 002073***80 do Cục C cấp ngày 25/6/2021; địa chỉ: Thôn C (nay là thôn C), xã M, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Bà Vàng Thị S, sinh năm 1973; dân tộc: Hoa; nghề nghiệp: Làm nương; căn cước công dân số: 0021***93 do Cục C cấp ngày 25/3/2021; địa chỉ: Thôn C (nay là thôn C), xã M, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21/9/2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21/9/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Vàng Mí P và bà Vàng Thị S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vàng Mí P và bà Vàng Thị S nhất trí thuận tình ly hôn. (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 07/7/2015 của UBND UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang; nay là xã M, tỉnh Tuyên Quang).

- Về con chung: Ông Vàng Mí P và bà Vàng Thị S xác nhận có 01 con chung là Vàng Minh D, sinh ngày 26/10/2015. Ông P và bà S thoả thuận giao ông Vàng Mí P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vàng Minh D cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà Vàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản chung: Ông Vàng Mí P và bà Vàng Thị S xác nhận có tài sản chung gồm 01 ngôi nhà 3 gian và chuồng trại chăn nuôi được xây dựng tại thôn C, xã M, tỉnh Tuyên Quang, có tổng giá trị 460.000.000 đồng (bốn trăm sáu mươi triệu đồng), không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền sử dụng đất và Tòa án không xem xét, giải quyết đối với quyền sử dụng đất.

Ông P và bà S thống nhất thoả thuận giao ông Vàng Mí P quản lý, sử dụng ngôi nhà 3 gian và chuồng trại chăn nuôi nêu trên; ông Vàng Mí P có nghĩa vụ thanh toán cho bà Vàng Thị S số tiền 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng), tương ứng với 1/2 giá trị tài sản chung.

Thời hạn thanh toán từ ngày 01/10/2026 đến hết ngày 30/9/2027. Ông Vàng Mí P thực hiện thanh toán cho bà Vàng Thị S theo các kỳ: kỳ đầu tiên vào ngày 20/10/2026; các kỳ tiếp theo vào ngày 20 của các tháng tiếp theo, mỗi kỳ 20.000.000 đồng; riêng kỳ cuối cùng vào ngày 30/9/2027, thanh toán số tiền còn lại 10.000.000 đồng, bảo đảm hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ thanh toán 230.000.000 đồng chậm nhất vào ngày 30/9/2027. Bà Vàng Thị S là người trực tiếp nhận tiền.

Trường hợp ông Vàng Mí P chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo từng kỳ nêu trên thì đối với số tiền chậm trả, ông P phải chịu lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày tiếp theo ngày đến hạn thanh toán cho đến khi thanh toán xong, theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về công nợ chung: Ông Vàng Mí P và bà Vàng Thị S tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Vàng Mí P tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ của ông P, bà S và 11.500.000đ đối với giá trị tài sản chung được hưởng của ông P, bà S. Buộc ông Vàng Mí P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 11.650.000đ (mười một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của

Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự/.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV8 - Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Mèo Vạc, tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đặng Văn Tình